

Số: 2343816

|                                            | Kia Carnival 2.2D Premium (8 chỗ) | Peugeot 408 Legend GT  |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.279.000.000đ</b>             | <b>1.289.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                   |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 1995 x 1775                | 4687 x 1850 x 1510     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                              | 2787                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                              |                        |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                               | 189                    |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2080                              | 1500                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2800                              | 1950                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 4110                       | 536                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                                | 52                     |
| Số chỗ ngồi                                | 8                                 | 5                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                  | SX-LR trong nước       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                   |                        |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                  | 1,6T PureTech          |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                              | 1598                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                        | 218 / 5500             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                   | 300 / 2000             |
| Hộp số                                     | 8AT                               | 8AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                   | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                        | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                  | Bán Độc Lập            |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                               | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                               | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                        | 245/40 R20             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.86                              | 10.09                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.87                              | 6.64                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.98                              | 7.93                   |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart            | Eco/Normal/Sport       |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                   |                        |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                     | Matrix LED             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                 | ●                      |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                 | ●                      |
| Đèn sương mù                               | LED                               | -                      |
| Cụm đèn sau                                | LED                               | Nhận diện phiên bản GT |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                 | ●                      |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                 | ●                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                   |                        |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                 | ● (Phong cách GT)      |
| Chất liệu ghế                              | Da                                | Da Nappa               |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                 | ●                      |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                 | ●                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                 | ●                      |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                                 | -                      |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                                 | ●                      |

|                                    |                  |              |
|------------------------------------|------------------|--------------|
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | 12.3             | Digital 10   |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 12.3             | Digital 10   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●                | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 3                | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●                | ●            |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●            |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●            |
| Khởi động từ xa                    | ●                | -            |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa            | 10 loa Focal |
| Lấy chuyển số                      | ●                | ●            |
| Sạc không dây Qi                   | ●                | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | -            |
| Rèm che nắng                       | ● ( hàng 2 và 3) | -            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●            |

#### **AN TOÀN:**

|                                         |               |             |
|-----------------------------------------|---------------|-------------|
| Số túi khí                              | 7             | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●             | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●             | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●             | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●             | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●             | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●             |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau   | Trước & sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●             | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●             | ●           |
| Camera lùi                              | ●(Camera 360) | ● (360)     |